TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **205/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2023
V/v tranh chấp "Xin Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Bé Ba.**

2. Bà **Đặng Thị Mỹ Hạnh.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh- KSV.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 46/2023/QĐST- HNGĐ ngày 10/4/2023 giữa các đương sự:

*** <u>Nguyên đơn</u>**: Ông Nguyễn Thanh Minh B, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

*** <u>Bị đơn</u>:** Bà Nguyễn Ngọc C**,** sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Minh B trình bày:

Ông và bà Nguyễn Ngọc C chung sống với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49/2011 ngày 21/04/2011. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu Cẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau thường xuyên tranh cải, ông bà đã sống ly thân từ năm 2016, nay ông B nhận thấy hôn

nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thuỳ F, sinh ngày 31/5/2011. Cháu F đang sống với gia đình bên nội, với anh và chị C nên anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc C từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng bà C vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh Minh B có đơn xin vắng mặt vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc C, giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung theo đơn khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân ông B, bà C mâu Cẩn trầm trọng, sống ly thân từ năm 2018 nhưng không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông B được ly hôn với bà C

+ Về con chung: : Có 01 con chung tên Nguyễn Thuỳ F, sinh ngày 31/5/2011. Cháu F đang sống với cha, mẹ và sinh sống với gia đình bên nội, cháu F có nguyện vọng sống với ông B, do đó cần cho cháu F phát triển tốt nên giao cho ông B được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của ông Nguyễn Thanh Minh B về việc tranh chấp "ly hôn" với bà Nguyễn Ngọc C Cộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Cộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Nguyễn Thanh Minh B và bà Nguyễn Ngọc C chung sống với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Đăng Hưng Phước, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49/2011 ngày 21/4/2011. Quá trình sống chung hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu Cẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau thường xuyên tranh cải, ông bà đã sống ly thân từ năm 2016, nay ông B nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà C. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà C nhưng bà vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của ông B, điều đó chứng tỏ bà C không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu Cẫn vợ chồng giữa ông B, bà C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông B là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thuỳ F, sinh ngày, sinh ngày 31/5/2011. Cháu F đang sống với gia đình bên nội, với ông B, bà C nên và cháu F cũng có nguyện vọng được sống với cha, do đó để con phát triển tốt, có cuộc sống ổn định nên cần tiếp tục giao con chung cho ông B nuôi dưỡng, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Ông Nguyễn Thanh Minh B có đơn xin vắng mặt, bà Nguyễn Ngọc C vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông B, bà C.

[7] Về án phí: ông Nguyễn Thanh Minh B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm b, khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Minh B.

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh Minh B được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc C.

[2] Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thuỳ F, sinh ngày 31/5/2011 cho ông Nguyễn Thanh Minh B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con do ông B không có yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về tài sản chung:Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh Minh B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0025513 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh TG;
-VKSNDHCG-TG
-Chi cục THADSHCG;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng